

Số: **38/2024/QĐST-KDTM**

Bình Chánh, ngày 19 tháng 6 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên

2. Ông Võ Hoàng Thu

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 215 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 4, Điều 11 và Điều 306 Luật kinh doanh thương mại 2005;

Căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 18 Điều 4, khoản 1 Điều 13 và điều 110 Luật Doanh Nghiệp năm 2014;

Căn cứ Điều 9, 10, 12, 15, 56 và 59 Nghị Định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào hồ sơ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 41/2021/TLST-KDTM ngày 18/11/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Trụ sở chính: L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T. Chức danh: Tổng Giám đốc.

Chi nhánh thực hiện khởi kiện: **Ngân hàng N – Chi nhánh T.**

Trụ sở chi nhánh: Số Q, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ái T. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh T (theo Giấy ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Ngân hàng N).

Ủy quyền lại cho: Ông Phan Trung K, sinh năm 1984. Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh T (theo Giấy ủy quyền số 636/GUQ-NHNoTB ngày 25/4/2023) – Có mặt.

Hoặc: Ông Trần Đình Tấn T, sinh năm 1995. Chức vụ: Nhân viên phòng KHDN Ngân hàng N - Chi nhánh T (theo Giấy ủy quyền số 407/GUQ-NHNoTB ngày 29/2/2024) – Có mặt.

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn S.

Trụ sở: Đ, Khu dân cư H, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vương Văn P. Chức vụ: Giám đốc- có mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Bảo N, sinh năm 1992. Địa chỉ: T, phường T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền ngày 18/10/2023) – Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Trương Thị T, sinh năm 1973

2/ Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: L, phường C, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, ông Đ: Ông Bùi Hoàng H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Đ, Phường D, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền cùng ngày 13/9/2023) – Có mặt.

3/ Ông Lê Văn H, sinh năm 1979

Địa chỉ: phường D, quận C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Hoàng H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Đ, Phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền ngày 01/11/2023) – Có mặt.

4/ Ông Phạm Đình T, sinh năm 1990.

5/ Ông Lâm Thái C, sinh năm 2003.

6/ Ông Lâm Thanh S, sinh năm 1969.

7/ Bà Trần Thị L, sinh năm 1976.

8/ Ông Võ Văn H, sinh năm 2003.

9/ Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1997.

10/ Ông Huỳnh Minh T, sinh năm 1993.

11/ Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 2006.

12/ Bà Võ Tường V, sinh năm 2002.

13/ Ông Nguyễn N, sinh năm 1970.

- 14/ Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1970.
- 15/ Bà Tô Thị N, sinh năm 1980.
- 16/ Ông Đặng Văn M, sinh năm 1989.
- 17/ Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1982.
- 18/ Bà Đặng Thị Ngọc D, sinh năm 1984.
- 19/ Bà Nguyễn Thị Mỹ G, sinh năm 1988.
- 20/ Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1981.
- 21/ Ông Trần T, sinh năm 1976.
- 22/ Bà Đặng Thị T, sinh năm 1985.
- 23/ Bà Đặng Thị T, sinh năm 2002.
- 24/ Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1986.
- 25/ Bà Trần Thị N, sinh năm 1955.
- 26/ Ông Trần Văn V, sinh năm 1969.
- 27/ Bà Huỳnh Thị Cẩm H, sinh năm 1980.
- 28/ Bà Thạch N, sinh năm 1987.

Là những người lưu cú tại địa chỉ: N, Phường F, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh- (đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không lý do).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về khoản nợ: Ngân hàng N và Công ty trách nhiệm hữu hạn S cùng thống nhất như sau: Tính đến ngày 19/6/2024, Công ty trách nhiệm hữu hạn S còn nợ Ngân hàng N số tiền vay cả gốc và lãi là **113.201.014.973** (Một trăm mười ba tỷ hai trăm lẻ một triệu không trăm mười bốn ngàn chín trăm bảy mươi ba) đồng bao gồm: Nợ gốc là 79.604.613.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là 23.529.067.754 đồng; Nợ lãi quá hạn là 10.067.334.219 đồng.

2.2. Về phương thức thanh toán và xử lý nợ:

Công ty trách nhiệm hữu hạn S đồng ý trả cho Ngân hàng N số tiền vay cả gốc và lãi là **113.201.014.973** (Một trăm mười ba tỷ hai trăm lẻ một triệu không trăm mười bốn ngàn chín trăm bảy mươi ba) đồng. Thời điểm thanh toán là ngày Tòa án ban hành quyết định công nhận kết quả hòa giải này.

Các đương sự có quyền thỏa thuận nơi thực hiện việc giao nhận tiền. Trường hợp các đương sự không thỏa thuận được thì thực hiện tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.3. Về tài sản thế chấp bảo lãnh: Nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn S không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo lãnh theo quy định của Luật thi hành án dân sự để thu hồi nợ theo trách nhiệm bảo lãnh của người bảo lãnh là bất động sản là nhà ở và đất ở bao gồm các tài sản sau đây:

Tài sản 1: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 401, tờ bản đồ số 29 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 691644, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00192 do UBND quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/6/2010; tọa lạc tại địa chỉ: N, Phường F, quận B,

Thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích đất: 377,5m²; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị. Nhà ở: Diện tích xây dựng: 269,1m²; Diện tích sàn: 309m²; Kết cấu xây dựng: vách gạch, sàn gỗ, mái tôn; Cấp: Cấp 3; Số tầng: 2 + sân. Đăng ký thay đổi chủ sở hữu cho ông Lê Văn H ngày 02/4/2018.

Tài sản 2: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 512, tờ bản đồ số 25 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 610713, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH04145 do UBND huyện C, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 04/10/2017; tọa lạc tại địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Diện tích đất: 209,6m²; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn. Chủ sở hữu: Ông Phạm Văn Đ.

Tài sản 3: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 513, tờ bản đồ số 25 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 610037, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH04146 do UBND huyện C, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 04/10/2017; tọa lạc tại địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Diện tích đất: 221,3m²; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn. Chủ sở hữu: Ông Phạm Văn Đ.

Tài sản 4: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 514, tờ bản đồ số 25 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 610038, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH04147 do UBND huyện C, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 04/10/2017; tọa lạc tại địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Diện tích đất: 209,5m²; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn. Chủ sở hữu: Ông Phạm Văn Đ.

Tài sản 5: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 515, tờ bản đồ số 25 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 610039, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH04148 do UBND huyện C, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 04/10/2017; tọa lạc tại địa chỉ: Thôn T, xã Cam H, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Diện tích đất: 201,7m²; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn. Chủ sở hữu: Ông Phạm Văn Đ.

Tài sản 6: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 516, tờ bản đồ số 25 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 610040, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH04149 do UBND huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 04/10/2017; tọa lạc tại địa chỉ: Thôn Tân Hải, xã Cam Hải Tây, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. Diện tích đất: 194,0m²; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn. Chủ sở hữu: Ông Phạm Văn Đ.

Tài sản 7: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 517, tờ bản đồ số 25 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 610041, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH04150 do UBND huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 04/10/2017; tọa lạc tại địa chỉ: Thôn Tân Hải, xã Cam Hải Tây, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. Diện tích đất: 186,1m²; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn. Chủ sở hữu: Ông Phạm Văn Đ.

Tài sản 8: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 518, tờ bản đồ số 25 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 610042, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH04151 do UBND huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 04/10/2017; tọa lạc tại địa chỉ: Thôn Tân Hải, xã Cam Hải Tây, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. Diện tích đất: 178,9m²; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn. Chủ sở hữu: Ông Phạm Văn Đ.

Tài sản 9: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 519, tờ bản đồ số 25 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 610043,

số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH04152 do UBND huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 04/10/2017; tọa lạc tại địa chỉ: Thôn Tân Hải, xã Cam Hải Tây, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. Diện tích đất: 170,6m²; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn. Chủ sở hữu: Ông Phạm Văn Đ.

Tài sản 10: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 520, tờ bản đồ số 25 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 610044, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH04153 do UBND huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 04/10/2017; tọa lạc tại địa chỉ: Thôn Tân Hải, xã Cam Hải Tây, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. Diện tích đất: 163,5m²; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn. Chủ sở hữu: Ông Phạm Văn Đ.

Tài sản 11: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 521, tờ bản đồ số 25 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 610045, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH04154 do UBND huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 04/10/2017; tọa lạc tại địa chỉ: Thôn Tân Hải, xã Cam Hải Tây, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. Diện tích đất: 314,3m²; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn. Chủ sở hữu: Ông Phạm Văn Đ.

Tài sản 12: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 247, tờ bản đồ số 15 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 046300, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00239 do UBND thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 25/8/2011; tọa lạc tại địa chỉ: TDP Lợi Thọ, phường Cam Lợi, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa. Diện tích đất: 183,8m²; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 135m²; đất trồng cây lâu năm: 48,8m². Nhà ở: Diện tích xây dựng: 129m²; Diện tích sàn: 416m²; Kết cấu: Tường gạch; Khung sàn: Bê tông cốt thép; Mái đúc; Số tầng: 3. Chủ sở hữu: Ông Phạm Văn Đ.

Tài sản 13: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 282, tờ bản đồ số 16 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 610263, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH04178 do UBND huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 26/9/2017; tọa lạc tại địa chỉ: Thôn Tân Hải, xã Cam Hải Tây, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. Diện tích đất: 141,3m²; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn. Chủ sở hữu: Bà Trương Thị T.

Tài sản 14: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 283, tờ bản đồ số 16 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 610264, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH04179 do UBND huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 26/9/2017; tọa lạc tại địa chỉ: Thôn Tân Hải, xã Cam Hải Tây, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. Diện tích đất: 137,7m²; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn. Chủ sở hữu: Bà Trương Thị T.

Tài sản 15: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 284, tờ bản đồ số 16 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 610265, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH04180 do UBND huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 26/9/2017; tọa lạc tại địa chỉ: Thôn Tân Hải, xã Cam Hải Tây, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. Diện tích đất: 134,2m²; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn. Chủ sở hữu: Bà Trương Thị T.

Tài sản 16: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 285, tờ bản đồ số 16 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 610266, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH04181 do UBND huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa cấp

ngày 26/9/2017; tọa lạc tại địa chỉ: Thôn Tân Hải, xã Cam Hải Tây, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. Diện tích đất: 130,7m²; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn. Chủ sở hữu: Bà Trương Thị T.

Tài sản 17: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 290, tờ bản đồ số 16 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 610269, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH04184 do UBND huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 26/9/2017; tọa lạc tại địa chỉ: Thôn Tân Hải, xã Cam Hải Tây, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. Diện tích đất: 362,1m²; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn. Chủ sở hữu: Ông Phạm Văn Đ.

Tài sản 18: Quyền sử dụng đất tại thửa 293; tờ bản đồ số 16 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 472978, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH08766 do UBND huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 23/4/2018; tọa lạc tại địa chỉ: Thôn Tân Hải, xã Cam Hải Tây, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. Diện tích đất: 370,8m²; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn. Chủ sở hữu: Ông Phạm Văn Đ.

Tài sản 19: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 251, tờ bản đồ số 14 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 425656, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH08144 do UBND huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 02/11/2015; tọa lạc tại địa chỉ: thôn Tân Quý, xã Cam Thành Bắc, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. Diện tích đất: 442,9m²; Mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm. Chủ sở hữu: Ông Phạm Văn Đ.

Tài sản 20: Quyền sử dụng đất tại thửa 230; tờ bản đồ số 11 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 733445, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS00497 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 25/7/2019, tọa lạc tại địa chỉ: thôn Trung Hiệp 1, xã Cam Hiệp Bắc, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. Diện tích: 717,7m²; Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn: 583,5m²; đất trồng cây lâu năm: 134,2m² (Ghi chú: Thửa đất 134,2m² đất thuộc quy hoạch giao thông). Chủ sở hữu: Bà Trương Thị T.

Tài sản 21: Quyền sử dụng đất tại thửa 105, tờ bản đồ số 2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 648948, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS02248 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 05/7/2019; tọa lạc tại địa chỉ: TDP Bãi Giếng 1, Thị trấn Cam Đức, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. Diện tích: 1168,2m²; Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị: 746,0m²; đất trồng cây hàng năm khác: 422,2m² (Ghi chú: Thửa đất có 422,2m² đất thuộc quy hoạch giao thông). Chủ sở hữu: Bà Trương Thị T.

Hiện trạng các tài sản thế chấp trên không có thay đổi gì so với thời điểm bên bảo lãnh thế chấp tài sản bảo lãnh cho khoản vay theo kết quả các Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/8/2022, ngày 04/8/20242 và ngày 18/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

2.4 Về nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Ngân hàng N có trách nhiệm trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngay sau khi Công ty trách nhiệm hữu hạn S hoàn tất nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 6360-LAV-201900900 Ngày 22/10/2019 cho các ông bà sau:

✓ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 610713, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH04145 do UBND huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 04/10/2017 cho ông Phạm Văn Đ.

✓ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 610037, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH04146 do UBND huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 04/10/2017 cho ông Phạm Văn Đ.

✓ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 610038, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH04147 do UBND huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 04/10/2017 cho ông Phạm Văn Đ.

✓ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 610039, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH04148 do UBND huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 04/10/2017 cho ông Phạm Văn Đ.

✓ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 610040, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH04149 do UBND huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 04/10/2017 cho ông Phạm Văn Đ.

✓ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 610041, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH04150 do UBND huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 04/10/2017 cho ông Phạm Văn Đ.

✓ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 610042, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH04151 do UBND huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 04/10/2017 cho ông Phạm Văn Đ.

✓ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 610043, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH04152 do UBND huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 04/10/2017 cho ông Phạm Văn Đ.

✓ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 610044, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH04153 do UBND huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 04/10/2017 cho ông Phạm Văn Đ.

✓ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 610045, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH04154 do UBND huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 04/10/2017 cho ông Phạm Văn Đ.

✓ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 046300, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00239 do UBND thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 25/8/2011 cho ông Phạm Văn Đ.

✓ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 610263, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH04178 do UBND huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 26/9/2017 cho bà Trương Thị T.

✓ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 610264, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH04179 do UBND huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 26/9/2017 cho bà Trương Thị T.

✓ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 610265, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH04180 do UBND huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 26/9/2017 cho bà Trương Thị T.

✓ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 610266, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH04181 do UBND huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 26/9/2017 cho bà Trương Thị T.

✓ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 691644, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00192 do UBND quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/6/2010; tọa lạc tại địa chỉ 117/175 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Đăng ký thay đổi chủ sở hữu cho ông Lê Văn H ngày 02/4/2018 cho ông Lê Văn H.

✓ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 610269, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH04184 do UBND huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 26/9/2017 cho ông Phạm Văn Đ.

✓ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 472978, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH08766 do UBND huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 23/4/2018 cho ông Phạm Văn Đ.

✓ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 425656, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH08144 do UBND huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 02/11/2015 cho ông Phạm Văn Đ.

✓ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 733445, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS00497 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 25/7/2019 cho bà Trương Thị T.

✓ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 648948, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS02248 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 05/7/2019 cho bà Trương Thị T.

2.5: Kể từ ngày 20/6/2024, Công ty trách nhiệm hữu hạn S còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 6360-LAV-201900900 Ngày 22/10/2019 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng số 6360-LAV-201900900 Ngày 22/10/2019, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà Công ty trách nhiệm hữu hạn S phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp. Trong trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn S không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành ngay đối với các khoản tiền còn lại.

2.6: Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Công ty trách nhiệm hữu hạn S tự nguyện chịu số tiền là 45.000.000 (Bốn mươi lăm triệu) đồng theo phiếu thu ngày 23/2/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh. Do nguyên đơn đã nộp đủ số tiền trên nên buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn S hoàn lại cho Ngân hàng N số tiền 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng.

2.7: Về án phí hòa giải thành kinh doanh thương mại sơ thẩm: Là 112.000.000 đồng + 0,1% x 109.201.014.973 đồng = 221.201.015 (Hai trăm hai mươi một triệu hai trăm lẻ một ngàn không trăm mười lăm) đồng do Công ty trách nhiệm hữu hạn S tự nguyện chịu.

Hoàn lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt số tiền tạm ứng án phí là 95.306.533 (Chín mươi lăm triệu ba trăm lẻ sáu ngàn năm trăm ba mươi ba ngàn) đồng mà

Ngân hàng N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0040175 ngày 12/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự (1);
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp (2);
- Chi Cục Thi hành án dân sự cùng cấp (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (5).



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Huyền